TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2023/DS-PT
Ngày: 14 - 12 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Ông Trần Nam Trung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Lâm Thăng Bằng - Kiểm sát viên. Lâm Thăng Bằng

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 309/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Đại H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 3, khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mai C, sinh năm 1997; địa chỉ: Số 3, khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/11/2023). (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 3, ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bà Cao Thị O, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 3, ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thanh T và bà Cao Thị O là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 21/4/2023 của nguyên đơn ông Trần Đại H và bản tự khai ngày 04/8/2023 của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2019, ông Trần Đại H có thực hiện mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với ông Nguyễn Thanh T và bà Cao Thị O thông qua lời nói mà không lập thành văn bản, tiếp đó do củng cố thêm hồ sơ nên hai bên lập hợp đồng mua bán ngày 01/3/2022 với cùng nội dung thỏa thuận: Ông H bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông T và bà O, hàng hóa được nhân viên của Ông H giao hàng bằng việc chở đến tận nơi hoặc ông T, bà O hoặc người nhà của ông T đến lấy hàng tại kho hàng của Ông H, việc giao nhận hàng hóa thông qua sổ giao nhận hàng ghi tên "Anh Tòng". Ông T, bà O tiến hành kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận công nợ khi Ông H yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch tôm, ông T và bà O phải thanh toán hết tiền hàng cho Ông H. Trường hợp xét thấy công nợ cao, ông T và bà O vẫn không thanh toán tiền hàng, thì Ông H có quyền cắt hàng và đề nghị vợ chồng ông T và bà O thanh toán hết số tiền hàng còn nợ cho Ông H, thời điểm cắt hàng được xem là thời điểm chấm dứt giao dịch.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ông H đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của ông T và bà O. Sau khi nhận hàng ông T và bà O không hề phàn nàn hay có khiếu nại gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà Ông H đã giao. Mặc dù, Ông H thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng ông T và bà O đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể: Đến cuối vụ tôm ngày 04/9/2022, ông T và bà O không thanh toán hết tiền hàng cho Ông H. Sau khi chốt nợ vào ngày 04/9/2022, ông T và bà O còn nợ Ông H số tiền là 100.000.000 đồng. Mặc dù, Ông H đã nhiều lần nhờ nhân viên đến yêu câu ông T và bà O trả tiền hàng còn nợ nhưng đến nay ông T và bà O vẫn cố tình không thanh toán. Hành vi cố tình không trả nợ của ông T và bà O đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ông H.

Nay ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Nguyễn Thanh T và bà Cao Thị O trả cho ông số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả tương ứng với lãi suất 10%/năm/100.000.000 đồng tạm tính từ ngày 24/01/2023 đến ngày 14/6/2023 là 3.888.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả hết nợ cho Ông H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòng và bà O trả nợ gốc cho Ông H là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Cao Thị O trình bày:

Vợ chồng ông T, bà O xác định có có ký hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc nuôi tôm với ông Trần Đại H (do ông Hồ Văn N làm đại diện). Theo thỏa thuận, Ông H sẽ giao thức ăn và thuốc thủy sản cho ông, bà theo yêu cầu, khi nhận hàng thì bà O hoặc ông T xác nhận vào sổ giao nhận hàng tên Tòng – Nam, và bên Ông H sẽ giao cho ông bà giữ hóa đơn. Mỗi đầu năm sẽ xác nhận công nợ 1 lần và thỏa

thuận thêm khi vợ chồng ông, bà trả đủ tiền cho Ông H vào cuối vụ tôm, Ông H sẽ tính tiền chiết khấu cho ông, bà với số tiền 5.000 đồng/kg trên tổng số ký thức ăn mà ông bà đã mua. Trong quá trình giao dịch ông, bà đều thực hiện trả nợ cho Ông H theo công nợ đã xác nhận. Tuy nhiên đến năm 2022, do không nuôi tôm được nên ông bà còn nợ lại Ông H số tiền 100.000.000 đồng. Trong số tiền 100.000.000 đồng, bên Ông H chưa tính tiền chiết khấu, với giá chiết khấu là 5.000 đồng/kg x 9,1 tấn, tương đương số tiền 45.500.000 đồng. Việc thỏa thuận giá tiền tiền chiết khấu không lập thành văn bản, nhưng do các bên đều thống nhất với nhau thực hiện và đây là quy định chung của đại lý khi bán thức ăn nuôi tôm cho các hộ nuôi. Đồng thời ông, bà xác nhận việc ký hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc.

Nay ông, bà thống nhất trả cho Ông H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) còn nợ. Đồng thời, ông, bà đề nghị Ông H trừ tiền chiết khấu cho ông, bà với tổng số tiền là 45.500.000 đồng. Số tiền còn phải trả cho Ông H là 54.500.000 đồng (Năm mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, hiện nay ông bà đang gặp khó khăn về kinh tế nên xin được trả dần số tiền nêu trên trong vòng 02 năm sẽ trả dứt nợ.

Hiện nay ông bà là vợ chồng, chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989, hiện nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn làm ăn kinh tế chung với nhau.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ các điều 288, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ vào Điều 27 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ vào khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh đại lý Trường H đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Cao Thị O về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Cao Thị O có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh đại lý Trường H số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Thanh T và bà Cao Thị O còn phải liên đới trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và với thời gian chậm trả.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2023, bị đơn ông T và bà O có đơn kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng và được TAND huyện Trần Đề nhận cùng ngày. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng khấu trừ tiền chiết khấu 5.000 đồng/kg, số tiền còn lại ông, bà sẽ trả 02 lần trong thời gian một năm tính từ tháng 09/2023 đến tháng 09/2024.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Chinh không rút đơn khởi kiện và cho rằng trước đây Ông H đã có chiết khấu cho ông T và bà O 4.000 đồng/kg vào cuối năm 2019, nhưng sau khi ký hợp đồng ngày 01/3/2022 thì ông T và bà O không thanh toán nợ đầy đủ, nên Ông H không đồng ý chiết khấu và cũng không đồng ý cho trả dần trong 01 năm theo yêu cầu kháng cáo của ông T và bà O.

Bị đơn ông T và bà O không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng trước đây Ông H có chiết khấu 4.000 đồng/kg vào cuối năm 2019 khi ông, bà trả hết nợ, nhưng các lần mua thức ăn và thuốc thủy sản sau này thì chưa chiết khấu; trong số tiền 100.000.000 đồng, bên Ông H chưa tính tiền chiết khấu, với giá chiết khấu là 5.000 đồng/kg x 9,1 tấn, tương đương số tiền 45.500.000 đồng. Riêng bà O yêu cầu chiết khấu trên số tiền 236.912.000 đồng đã trả vào năm 2022. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông T và bà O và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ nhất, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Đỗ Thị Mai C, bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Cao Thị O đều có mặt; nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn ông T và bà O là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình tiến hành tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đều thừa nhận giữa Ông H - Chủ hộ kinh doanh đại lý Trường H với ông T và bà O có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản; ông T và bà O còn nợ lại số tiền 100.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không

phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông T và bà O về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng khấu trừ tiền chiết khấu 5.000 đồng/kg, tương đương số tiền 45.500.000 đồng; số tiền còn lại ông, bà sẽ trả 02 lần trong thời gian một năm tính từ tháng 09/2023 đến tháng 09/2024. Xét thấy:

[4.1] Đối với tiền chiết khấu: Tại hợp đồng mua bán ngày 01/3/2022 (BL số 96 - 97) các bên thỏa thuận "Trường hợp bên B (ông T và bà O) vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 2.2 Điều 2 của hợp đồng này hoặc không thực hiện thanh toán đúng thời hạn mà các bên đã thỏa thuận bằng văn bản ngoài khác (nếu có) thì bên A (Ông H) sẽ không trừ tiền chiết khấu cho bên B (nếu có)". Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2023 và Biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2023 (BL số 35 - 38) ông T và bà O đều xác định: Mỗi đầu năm sẽ xác nhận công nợ một lần, khi đó hai bên thỏa thuận thêm khi ông, bà trả đủ tiền cho Ông H vào cuối vụ tôm thì Ông H sẽ chiết khấu cho ông, bà số tiền 5.000 đồng/kg/tổng số ký thức ăn mà ông, bà mua. Như vậy, khi ông, bà trả đủ tiền thì Ông H mới chiết khấu cho ông, bà. Do đó, đối với số tiền 100.000.000 đồng ông, bà còn thiếu sẽ không được chiết khấu như thỏa thuận giữa hai bên. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà O yêu cầu chiết khấu trên số tiền 236.912.000 đồng đã trả vào năm 2022, nhưng tới thời điểm hiện nay ông, bà vẫn chưa thanh toán dứt nợ cho Ông H, nên cũng không có căn cứ để chấp nhận. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chiết khấu của ông, bà là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4.2] Đối với yêu cầu trả số tiền còn lại 02 lần trong thời gian một năm tính từ tháng 09/2023 đến tháng 09/2024: Thấy rằng, việc ông, bà yêu cầu trả số tiền còn lại 02 lần trong thời gian một năm tính từ tháng 09/2023 đến tháng 09/2024 không được người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý, nên không có căn cứ để HĐXX chấp nhận; ông, bà có quyền yêu cầu và thỏa thuận ở giai đoạn thi hành án.

[5] Từ những nhận định tại mục [4] nêu trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông T và bà O là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên ông T và bà O mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông, bà được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông T và bà O và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Cao Thị O.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh đại lý Trường H đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Cao Thị O về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

- Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Cao Thị O có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh đại lý Trường H số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh T và bà Cao Thị O phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Ông Trần Đại H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Trần Đại H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.597.200 đồng (Hai triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009873 ngày 14/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh T và bà Cao Thị O mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011318 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề; như vậy, ông Nguyễn Thanh T và bà Cao Thị O đã thực hiện xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn